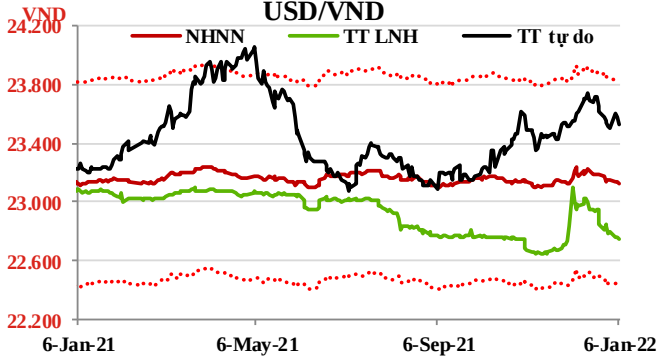


Tin trong nước ngày 06/01

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 06/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.128 VND/USD, giảm 09 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.650 VND/USD và 23.150 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.748 VND/USD, giảm 12 đồng so với phiên 05/01. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 10 đồng ở chiều mua vào và 50 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.490 VND/USD và 23.530 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 06/01, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,10 – 0,32 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,40; 1W 1,72%; 2W 2,0 và 1M 2,22%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,15; 1W 0,20%; 2W 0,25%, 1M 0,32%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn 5Y và 10Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,72%; 5Y 0,92%; 7Y 1,31%; 10Y 2,09%; 15Y 2,37%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, có 2,04 tỷ đồng đáo hạn trên kênh này. Như vậy, NHNN hút ròng 2,04 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh này hạ xuống mức 10.537,71 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, các cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt cổ phiếu ngành dầu khí và ngân hàng, giao dịch tích cực giúp cả 3 sàn giữ sắc xanh. Chốt phiên, VN-Index tăng 6,07 điểm lên 1.528,57 điểm (+0,40%); HNX-Index tăng 4,53 điểm (+0,94%) lên 484,89 điểm; UPCoM-Index tăng nhẹ 0,13 điểm (+0,11%) lên 114,39 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 41.800 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng hơn 257 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, trong năm 2021, Chính phủ đã ký kết 12 hiệp định vay nước ngoài với tổng trị giá 958,27 triệu USD,** gồm 5 hiệp định vay với các tổ chức tài chính quốc tế đa phương, trị giá 785,67 triệu USD và 7 hiệp định vay, viện trợ với các đối tác song phương, trị giá 172,6 triệu USD. Lũy kế giải ngân vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thuộc dự toán chi đầu tư công năm 2021 của NSTW ước đạt 13.795,28 tỷ đồng, trong đó, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương đạt 8.236,86 tỷ đồng, giải ngân của các bộ, ngành trung ương là 5.558,42 tỷ đồng.



Lãi suất LNH

Trái phiếu

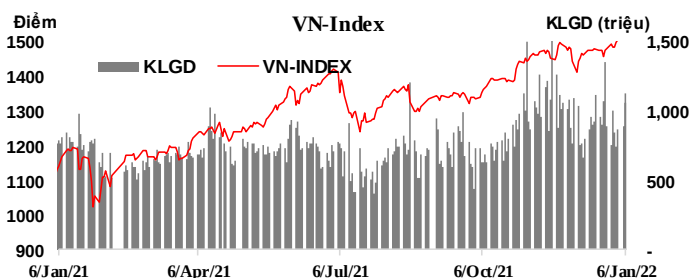
Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.40	-0.26	0.15	0.00	3Y	0.72	-0.018
1W	1.72	-0.32	0.20	0.00	5Y	0.92	0.023
2W	2.00	-0.18	0.25	0.00	7Y	1.31	-0.009
1M	2.22	-0.10	0.32	0.00	10Y	2.09	0.004
2M	2.38	-0.04	0.40	0.01	15Y	2.37	-0.003
3M	2.56	0.08	0.52	0.03			
6M	2.58	0.02	0.78	0.03			
9M	2.70	0.05	1.13	0.04			
1Y	3.22	0.02	1.18	0.00			

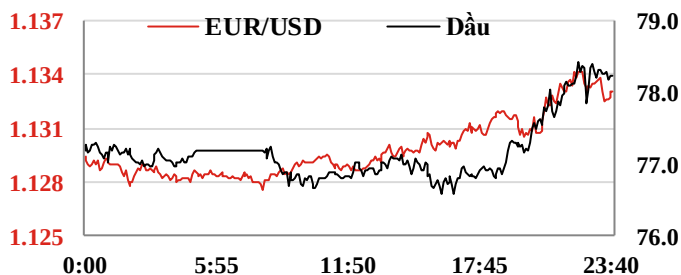
Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

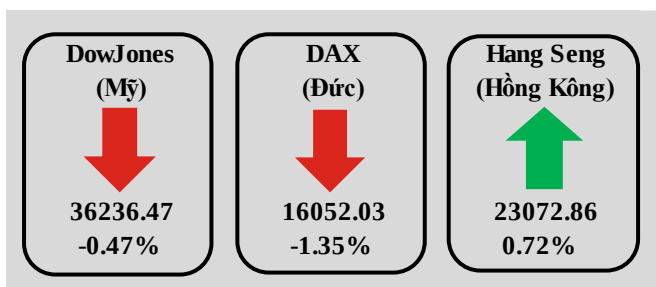
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành	
06-01-22	1	14	2.50	5,000	-	2.04	-	2.04	10,537.71
05-01-22	1	14	2.50	5,000	-	-	-	-	10,539.75
04-01-22	1	14	2.50	5,000	-	-	-	-	10,539.75

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1528.57	484.89	114.39
%/ngày	0.40%	0.94%	0.11%
%/31/12/2021	2.02%	2.3%	1.5%
KLGD (tr.đ.v)	1133.72	139.69	112.1
GTGD (tỷ đ)	35394.43	3900.23	2482.94
NĐTNN mua (tỷ đ)	2061.54	21.44	0.68
NĐTNN bán (tỷ đ)	2331.94	8.42	0.46





	6 Jan 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	96.32	0.15%	0.37%	0.37%
USD/CNY	6.38	0.29%	0.21%	0.47%
USD/EUR	0.89	0.19%	0.28%	0.68%
USD/JPY	115.82	-0.24%	0.66%	0.64%
USD/KRW	1204.95	0.56%	1.31%	1.43%
USD/SGD	1.36	0.21%	0.63%	0.85%
USD/TWD	27.66	0.20%	-0.21%	-0.18%
USD/THB	33.55	1.08%	0.63%	0.96%
USD/VND Trung tâm	23128	-0.04%	-0.07%	-0.07%
USD/VND LNH	22748	-0.05%	-0.18%	-0.19%
USD/VND tự do	23490	-0.04%	0.09%	0.17%
Vàng	1788.68	-1.15%	-1.45%	-2.17%
Dầu	79.46	2.07%	3.21%	5.65%



	LIBOR		SIBOR		SOFR	
Kỳ hạn	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0741	0.0040				
SW	0.0000	0.0000				
1M	0.1041	0.0021	0.3000	0.0000	0.0497	0.0000
2M	0.0000	0.0000				
3M	0.2313	0.0057	0.4375	0.0000	0.0491	0.0000
6M	0.3666	0.0266	0.5932	0.0000	0.0496	0.0000
1Y	0.6477	0.0514	0.0000	0.0000		

Số liệu SIBOR ngày 05/01/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	25/01/2022
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/02/2016	03/02/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	03/02/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/01/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/02/2022

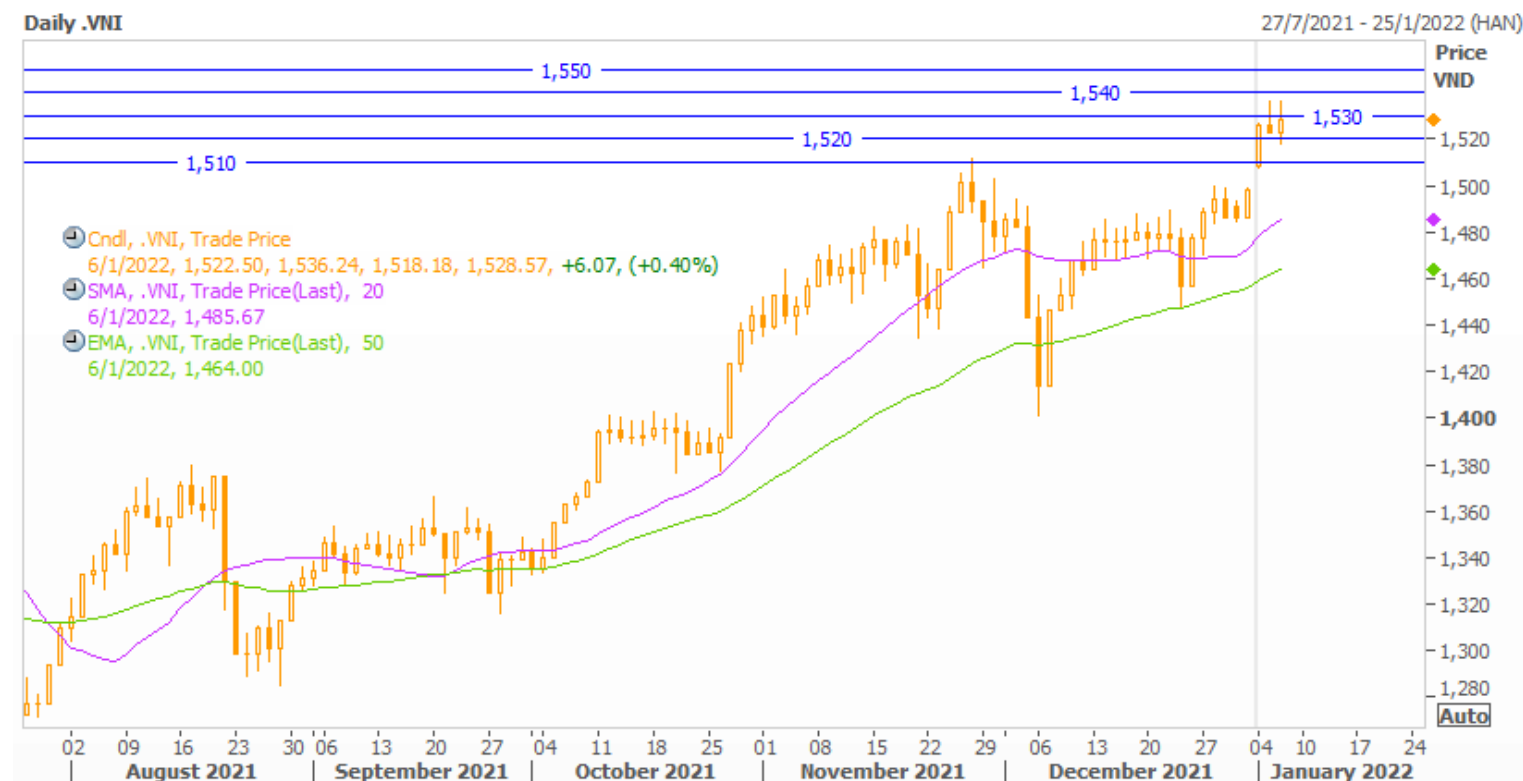
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Lĩnh vực dịch vụ tại Mỹ cho thấy tín hiệu không mấy lạc quan.** Viện Quản lý Cung ứng Mỹ ISM cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ tại nước này ở mức 62,0% trong tháng 12, giảm khá mạnh từ mức 69,1% của tháng 11 và đồng thời xuống sâu hơn mức 67,0% theo dự báo. Đây là mức PMI dịch vụ thấp nhất của nước Mỹ trong quý IV/2021. ISM cho biết lĩnh vực dịch vụ đang gặp nhiều khó khăn liên quan đến sự tắc nghẽn chuỗi cung ứng, đặc biệt là các loại hình dịch vụ khách hàng như thực phẩm. Bên cạnh đó, việc giá thành của nhiều mặt hàng tăng cao khiến cho nhu cầu của người dân giảm sút rõ rệt. Các doanh nghiệp tại Mỹ cho biết đang cố gắng thích nghi với giai đoạn hiện tại bằng cách cắt giảm các chi phí không cần thiết. Cũng liên quan tới thông tin kinh tế Mỹ, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại quốc gia này ở mức 207 nghìn đơn trong tuần kết thúc ngày 01/01/2022, tăng nhẹ từ mức 200 nghìn đơn của tuần trước đó và đồng thời cao hơn mức 199 nghìn đơn theo dự báo.
- CPI tại Đức tăng mạnh trở lại trong tháng vừa qua.** Văn phòng Thống kê Liên bang Đức Destatis cho biết CPI của nước này tăng 0,5% m/m trong tháng 12 sau khi giảm 0,2% ở tháng 11, cao hơn mức tăng 0,4% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2020, CPI Đức tăng 5,3% trong tháng vừa qua. Góp phần chính vào mức tăng của CPI nước này là chỉ số giá nhóm mặt hàng năng lượng với mức tăng 18,3% y/y trong tháng vừa qua. Theo sau là nhóm mặt hàng thực phẩm tăng 6,0% và các mặt hàng khác tăng 7,8%. Liên quan tới thông tin kinh tế Đức, giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại nước này tăng 3,7% m/m trong tháng 11 sau khi giảm 5,8% ở tháng trước đó, vượt khá mạnh so với mức tăng 2,1% theo kỳ vọng.
- Lĩnh vực dịch vụ tại Trung Quốc tích cực hơn dự báo.** Caixin khảo sát cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ tại Trung Quốc ở mức 53,1 điểm trong tháng 12/2020, tăng nhẹ từ mức 52,1 điểm của tháng trước đó và trái với dự báo giảm nhẹ xuống còn 51,9 điểm. Các công ty tại Trung Quốc tỏ ra lạc quan hơn với triển vọng kinh tế trong trung hạn sau khi NHTW nước này đưa ra một số chính sách nới lỏng tiền tệ vào những ngày cuối năm. Mặc dù vậy, một số nhà kinh tế vẫn cho rằng các chính sách kiểm soát dịch bệnh tại Trung Quốc vẫn còn đang quá khắt khe, khiến cho nhiều lĩnh vực kinh tế rơi vào tình trạng khó khăn, trong đó chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là lĩnh vực dịch vụ. Nhiều ý kiến kỳ vọng Chính phủ Trung Quốc sẽ có những điều chỉnh thích hợp hơn trong nửa đầu 2022.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
06 - 01	02:00	***	Biên bản cuộc họp FOMC (Fed) tháng 12/2021			
06 - 01	14:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy Đức mm T11	3,7	2,1	-5,8
06 - 01	All day	*	CPI sơ bộ Đức mm T12	0,5	0,4	-0,2
06 - 01	8:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ w/e	207K	199K	200K
06 - 01	22:00	***	PMI lĩnh vực dịch vụ Mỹ T12	62,0	67,0	69,1
07 - 01	6:30	*	Thu nhập bình quân Nhật Bản yy T11		0,5	0,2
07 - 01	14:00	*	Sản lượng công nghiệp Đức mm T11		1,1	2,8
07 - 01	17:00	*	CPI sơ bộ Eurozone yy T12		4,8	4,9
07 - 01	20:30	***	Thu nhập bình quân theo giờ tại Mỹ mm T12		0,4	0,3
07 - 01	20:30	***	Số việc làm tăng thêm khu vực phi nông nghiệp Mỹ T12		426K	210K
07 - 01	20:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ T12		4,1	4,2



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1528,57 điểm. Nhiều khả năng, VN-Index sẽ tiếp tục tranh chấp trong phiên cuối tuần, nhưng cơ hội tăng dần lên vùng 1.550 điểm vẫn còn.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.520 – 1.510

Ngưỡng kháng cự: 1.540 – 1.550

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn